

Số: 674 /QĐ-UBND

Ngọc Hà, ngày 10 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt dự án Tu bổ, tôn tạo tổng thể Đèn Công Yên.

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NGỌC HÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23/11/2024;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ: Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ:

Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ, quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử- văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Căn cứ Thông tư 06/2025/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; định mức kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Phụ lục định mức kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

Căn cứ Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về việc phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về việc Quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành giá xây mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn TP Hà Nội;



Căn cứ Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND Thành phố quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 10/2026/QĐ-UBND Hà Nội, ngày 18/01/2026 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND Thành phố quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về chuyển chủ đầu tư và đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư công, các nhiệm vụ khác khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 về việc giao, điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương thành phố Hà Nội năm 2025 khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 3536/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư – hạ tầng trực thuộc UBND xã, phường sau sắp xếp trên cơ sở tổ chức lại các Ban quản lý dự án ĐTXD cấp huyện và trung tâm phát triển quỹ đất cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh nguồn vốn đầu tư của các dự án đầu tư công đã phê duyệt dự án thuộc danh mục tại phụ lục của Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc chuyển chủ đầu tư và đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 4995/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách thuộc nhiệm vụ chi cấp Thành phố do UBND cấp xã làm chủ đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 10/5/2010 của Thành phố Hà Nội về việc xếp hạng di tích lịch sử văn hóa Đền Cống Yên;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của Hội đồng nhân dân quận Ba Đình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công của Quận Ba Đình;

Căn cứ Văn bản số 4553/SVHTT-QLDSVH của Sở Văn hóa và Thể thao ngày 23/10/2024 về việc thẩm định chuyên ngành hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Tu bổ, tôn tạo tổng thể Đền Cống Yên, quận Ba Đình;

Căn cứ quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Ngọc Hà về việc giao chủ đầu tư, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án đầu tư công trên địa bàn phường Ngọc Hà

Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND phường Ngọc Hà về việc điều chỉnh, điều hòa kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Căn cứ văn bản số 739/KTHT&ĐT ngày 09/6/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Tu bổ, tôn tạo tổng thể Đền Cống Yên;

Xét đề nghị của Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng tại tờ trình Số 501/Ttr-BDA ngày 25/5/2026 của Ban quản lý Dự án đầu tư – hạ tầng phường Ngọc Hà về việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình dự án: Tu bổ, tôn tạo tổng thể Đền Cống Yên và Báo cáo số 87/BC-KTHT&ĐT ngày 09/6/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Tu bổ, tôn tạo tổng thể Đền Cống Yên với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Tu bổ, tôn tạo tổng thể Đền Cống Yên.
2. Mã số thông tin dự án: 8078831.
3. Địa điểm xây dựng: Số 124 ngõ 639 đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội.
4. Cấp quyết định đầu tư: UBND phường Ngọc Hà.
5. Chủ đầu tư: Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Ngọc Hà.
6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, lập thiết kế cơ sở: Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng và phục chế công trình Việt.
7. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm C; Công trình văn hóa cấp III.
8. Mục tiêu dự án: Để thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích Đền Cống Yên đồng thời tu bổ đồng bộ cảnh quan của khu di tích và phục vụ tín ngưỡng của nhân dân.
9. Quy mô đầu tư xây dựng chủ yếu:
 - Giải phóng mặt bằng một số hộ dân trong khu vực I Đền Cống Yên
 - Tu bổ, tôn tạo: Nghi môn, đền chính, nhà khách, nhà thủ từ, bếp, kho, nhà vệ sinh, am hóa vàng, bức bình phong, nhà bia, nhà bao che, nhà bảo quản hiện vật; sân vườn, tường rào, hệ thống hạ tầng kỹ thuật; phòng cháy chữa cháy
10. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: Áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.
11. Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước.
12. Tổng mức đầu tư xây dựng: **42.822.269.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi hai tỷ tám trăm hai mươi hai triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Trong đó:

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị tổng mức đầu tư (đồng)
1	Chi phí giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư	25.042.577.634
2	Chi phí xây dựng	14.529.324.667
3	Chi phí quản lý dự án	439.243.010
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	1.425.397.418
5	Chi phí khác	598.667.069
6	Chi phí dự phòng	787.059.672
	Tổng cộng	42.822.269.470
	Làm tròn	42.822.269.000

**Lưu ý:* Tổng mức đầu tư trên là cơ sở để quản lý vốn, sẽ được chuẩn xác khi công việc thực tế thực hiện, hoàn thành nghiệm thu theo quy định.

13. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026-2027.

14. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Ngân sách phường.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Ngọc Hà trực tiếp thực hiện quản lý dự án.

16. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Giải phóng khoảng 106,50 m² đất tại vị trí 2 đường Hoàng Hoa Thám; khoảng 96,70m² đất tại vị trí 3 đường Hoàng Hoa Thám, kết hợp bồi thường công trình là nhà 4 đến 5 tầng xây dựng khung bê tông cốt thép.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ban quản lý Dự án đầu tư - Hạ tầng phường Ngọc Hà

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND phường Ngọc Hà về nội dung, tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu thể hiện trong tờ trình và hồ sơ trình phê duyệt dự án.

- Tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và UBND Thành phố về quản lý dự án đầu tư xây dựng; đảm bảo chất lượng và tuân thủ đúng các quy định về quản lý đầu tư xây dựng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả; hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND phường đối với các nội dung công việc thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư.

- Hoàn thiện các nội dung theo thông báo thẩm định số 739/KTHT&ĐT ngày 09/6/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị trước khi thực hiện các bước tiếp theo.



- Công khai dự án trong cộng đồng dân cư theo quy định. Phối hợp, tạo điều kiện cho Ban giám sát đầu tư cộng đồng của phường thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Các đơn vị tư vấn: Lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án (Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng và phục chế công trình Việt): Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật và UBND phường về chất lượng hồ sơ, các số liệu tính toán, thẩm tra, tính chính xác của hồ sơ sản phẩm tư vấn thực hiện, nội dung trình phê duyệt dự án.

3. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị:

- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, đồng thời có trách nhiệm tham mưu UBND phường bố trí kinh phí và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong giai đoạn thực hiện dự án.

- Phối hợp cùng phòng Văn hóa - Xã hội và Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Ngọc Hà giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án; thường xuyên rà soát tiến độ đầu tư của dự án, tăng cường kiểm tra, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của dự án tránh lãng phí, thất thoát trong quá trình đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo hiệu quả đầu tư dự án.

4. Văn phòng HĐND và UBND phường: Phối hợp cùng Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng phường Ngọc Hà trong quá trình triển khai dự án, theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Trưởng các phòng: Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Văn hóa – Xã hội; Giám đốc Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng; Kho bạc Nhà nước khu vực 1 – Phòng giao dịch số 1; Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng và phục chế công trình Việt; Ban quản lý Đèn Công Yên và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Đảng Ủy - TT HĐND phường (để b/c);
- Các đ/c PCT. UBND phường;
- Lưu: VT; KTHT&ĐT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lương Xuân Dương

BẢNG KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**DỰ ÁN: TU BỒ, TÔN TẠO TỔNG THỂ ĐỀN CÔNG YÊN**

Địa điểm: Số 124 ngõ 639 đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

Kèm theo Quyết định số 674/KTHT&ĐT ngày 10/6/2026 của UBND phường Ngọc Hà

Đơn vị tính: (đ)

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Gía trị	Ghi chú
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Gbt,đtc	23.187.571.883	1.855.005.751	25.042.577.634	
II	Chi phí xây dựng	GcpXD	13.453.078.395	1.076.246.272	14.529.324.667	
III	Chi phí quản lý dự án	Gqlđa	439.243.010		439.243.010	Thông tư 12/2021/TT-BXD
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv	1.319.812.424	105.584.994	1.425.397.418	
1	Chi phí khảo sát, đo đạc, lập bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1/500	Gtv1	31.010.185	2.480.815	33.491.000	Hợp đồng số 60/2024/HĐ ngày 08/4/2024
2	Chi phí Khảo sát xây dựng và lập báo cáo nghiên cứu khả thi	Gtv2	180.987.963	14.479.037	195.467.000	Hợp đồng số 106/2024/HĐTV ngày 29/5/2024
3	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	Gtv4	27.444.280	2.195.542	29.639.822	
4	Chi phí xác định chi giới đường đỏ	Gtv5	18.518.519	1.481.481	20.000.000	
5	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công - tổng dự toán	Gtv6	493.727.977	39.498.238	533.226.215	Thông tư 12/2021/TT-BXD
6	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	Gtv7	33.094.573	2.647.566	35.742.139	Thông tư 12/2021/TT-BXD
7	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	Gtv8	32.152.857	2.572.229	34.725.086	Thông tư 12/2021/TT-BXD
8	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	Gtv9	54.081.375	4.326.510	58.407.885	Thông tư 12/2021/TT-BXD
9	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	Gtv11	13.453.078	1.076.246	14.529.325	Nghị định 214/2025/NĐ-CP
10	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Gtv12	13.453.078	1.076.246	14.529.325	Nghị định 214/2025/NĐ-CP
11	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv13	421.888.538	33.751.083	455.639.622	Thông tư 12/2021/TT-BXD
V	Chi phí khác	Gk	529.059.616	69.607.454	598.667.069	
1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	Gk1	2.890.305		2.890.305	Thông tư 28/2023/TT-BTC
2	Phí thẩm định thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở	Gk2	22.197.579		22.197.579	Thông tư 27/2023/TT-BTC
3	Phí thẩm định dự toán xây dựng	Gk3	21.524.925		21.524.925	Thông tư 27/2023/TT-BTC
4	Phí thẩm định giá thiết bị	Gk4	27.777.778	2.222.222	30.000.000	
5	Phí bảo hiểm công trình	Gk4	10.762.463	3.916.537	14.679.000	
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk5	58.337.129		58.337.129	Nghị định 254/2025/NĐ-CP
7	Chi phí kiểm toán độc lập	Gk6	32.623.139	35.232.990	67.856.130	Nghị định 254/2025/NĐ-CP
8	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	Gk7	92.592.593	7.407.407	100.000.000	Tạm tính
9	Chi phí thỏa thuận với các cơ quan chuyên ngành	Gk8	37.037.037	2.962.963	40.000.000	Tạm tính
10	Chi phí lập, cấp phép môi trường	Gk9	19.612.963	1.569.037	21.182.000	Tạm tính
11	Chi phí khởi công, gắn biển công trình	Gk10	203.703.704	16.296.296	220.000.000	Tạm tính
VI	Chi phí dự phòng	Gdp	787.059.672		787.059.672	
1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	Gdp1	787.059.672		787.059.672	
	TỔNG CỘNG				42.822.269.470	
	LÀM TRÒN	Gtmdt			42.822.269.000	

Bảng chữ: Bốn mươi hai tỷ tám trăm hai mươi hai triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn đồng chẵn./.

TỔNG HỢP KHÁI TOÁN KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

Dự án: Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Công Y ên

Địa điểm: Số 124 ngõ 639 đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

Kèm theo Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 10 / 6 /2026 của UBND phường Ngọc Hà.

Đơn vị tính: (đ)

ST T	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (ĐỒNG)	THÀNH TIỀN (ĐỒNG)	GHI CHÚ
I	BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT		203,20		15.322.729.000	
1	Đất ở, vị trí 2 đường Hoàng Hoa Thám	m ²	106,50	84.389.000	8.987.428.500	(Đơn giá theo Nghị quyết số 52/2025/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của HĐND thành phố Hà Nội)
2	Đất ở, vị trí 3 đường Hoàng Hoa Thám	m ²	96,70	65.515.000	6.335.300.500	
II	BỒI THƯỜNG CÔNG TRÌNH, VẬT KIẾN TRÚC VÀ DI CHUYỂN CÁC				7.488.736.800	
1	Nhà B4, nhà 4 tầng mái bằng BTCT, mái lợp tôn	m ²	426,00	7.134.400	3.039.254.400	(Tạm tính diện tích công trình áp dụng đơn giá theo Quyết định số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND Thành phố)
2	Nhà B5, nhà 5 tầng mái bằng BTCT, mái lợp tôn	m ²	483,50	7.134.400	3.449.482.400	
3	Bồi thường, hỗ trợ và di chuyển đối với các hệ thống công trình ngầm nổi	Đơn vị	2,00	500.000.000	1.000.000.000	(Tạm tính đơn giá di chuyển các công trình ngầm nổi theo khối lượng theo Biên bản kiểm tra, khảo sát)
III	HỖ TRỢ KHÁC				1.740.080.900	(Theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 và số 10/2026/QĐ-UBND ngày 18/01/2026 của UBND Thành phố)
1	Hỗ trợ tự lo tái định cư bằng tiền (Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất bồi thường/m ² , vị trí 2 đường Hoàng Hoa Thám)	m ²	11	84.389.000	898.742.850	(Tạm tính áp dụng theo Điều 21 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND TP Hà Nội)
2	Hỗ trợ tự lo tái định cư bằng tiền (Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất bồi thường/m ² , vị trí 3 đường Hoàng Hoa Thám)	m ²	10	65.515.000	633.530.050	
3	Hỗ trợ di chuyển	hộ	4	10.000.000	40.000.000	(Tạm tính)
4	Trợ cấp khó khăn, ổn định đời sống	Nk	16	498.000	47.808.000	(Tạm tính = 16NK x 6T x 498.000đ)
5	Thưởng tiến độ	hộ	4	30.000.000	120.000.000	(Tạm tính)
	Cộng Bồi thường, hỗ trợ				24.551.546.700	
IV	CHI PHÍ CHO CÔNG TÁC T Ô CHỨC THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ (2%)		0,02		491.030.934	Tạm tính
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V)				25.042.577.634	

(Bảng chữ: Hai mươi lăm tỷ không trăm bốn mươi hai triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi bốn đồng./.)

Ghi chú:

- Áp dụng Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội; Các Nghị định của Chính phủ: số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025, số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025; Các Quyết định của UBND TP Hà Nội: số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024, số 10/2026/QĐ-UBND ngày 18/01/2026 Quy định về một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Áp dụng Nghị quyết số 52/2025/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của HĐND thành phố Hà Nội Quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Áp dụng Quyết định số 51/2025/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND, TP Hà Nội v/v sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành giá xây mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn TP Hà Nội;
- Áp dụng Thông báo số 2461/TB-SNNMT ngày 31/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2026;